

THỰC TRẠNG NHU CẦU TƯ VẤN CỦA SINH VIÊN Ở MỘT SỐ TRƯỜNG ĐẠI HỌC TRONG ĐÀO TẠO THEO TÍN CHỈ

COUNSELING DEMANDS OF STUDENTS IN CREDIT-BASED HIGHER EDUCATION SYSTEM

Nguyễn Thị Hằng Phương

Trường Đại học Sư phạm, Đại học Đà Nẵng; Email: hangphuong19@gmail.com

Tóm tắt - Nghiên cứu trên 326 sinh viên thuộc 2 trường đại học (ĐHKHXH&NV, ĐHQG HN và ĐHSP, ĐHDN) cho thấy nhu cầu tư vấn của các em là rất lớn, tập trung ở nhu cầu tư vấn về cách thích ứng với học tập tín chỉ; về cách đáp ứng được nhu cầu nghề nghiệp tương lai và về những vấn đề khác trong cuộc sống như tình bạn, tình yêu, các mối quan hệ xã hội. Sinh viên năm thứ nhất có nhu cầu tư vấn nhiều nhất, và giảm dần theo số năm học ở trường. Hiện nay, ở các trường đại học, người chịu trách nhiệm chính trong việc tư vấn cho sinh viên là các cố vấn học tập, tuy nhiên, có những cố vấn học tập không đáp ứng được mong đợi của sinh viên. Số liệu trong bài viết được rút ra từ nghiên cứu phục vụ cho luận án của tác giả.

Từ khóa - tư vấn; đào tạo theo tín chỉ; sinh viên; cố vấn học tập; đại học.

1. Đặt vấn đề

Đào tạo theo Hệ thống tín chỉ, lần đầu tiên được tổ chức tại trường Đại học Harvard, Hoa kỳ vào năm 1872, sau đó lan rộng ra khắp Bắc Mỹ và thế giới. Đây là phương thức đào tạo theo triết lý “Tôn trọng người học, xem người học là trung tâm của quá trình đào tạo” [5].

Sự khác biệt trong đào tạo theo niên chế và tín chỉ là: Nếu như, trong đào tạo theo học phần – niên chế, sinh viên phải học theo tất cả những gì Nhà trường sắp đặt, không phân biệt sinh viên có điều kiện, năng lực tốt, hay sinh viên có hoàn cảnh khó khăn, năng lực yếu; thì ngược lại, đào tạo theo hệ thống tín chỉ cho phép sinh viên có thể chủ động học theo điều kiện và năng lực của mình [5],[4]. Những sinh viên giỏi có thể học theo đúng hoặc học vượt kế hoạch học tập toàn khóa, kế hoạch học tập từng học kỳ theo gợi ý của Nhà trường, để tốt nghiệp theo đúng thời gian chuẩn của chương trình hoặc sớm hơn. Những sinh viên bình thường và yếu có thể kéo dài thời gian học tập trong trường và tốt nghiệp muộn hơn. Sinh viên phải tự lập kế hoạch học tập toàn khóa và từng học kỳ cho phù hợp với năng lực và điều kiện cụ thể của bản thân dưới sự giúp đỡ của giáo viên chủ nhiệm hoặc của cố vấn học tập [5].

Ở Việt Nam, đào tạo theo hình thức tín chỉ đã tiến hành được gần 20 năm và theo chủ trương ngày một hoàn thiện. Ở nước ta, trường Đại học Bách khoa Thành phố Hồ Chí Minh đã triển khai đào tạo theo hệ thống tín chỉ từ năm học 1993-1994 và đã đạt được nhiều kết quả tốt đẹp. Cho đến nay, cả nước đã có hơn 20 trường trong toàn quốc chuyển đổi sang đào tạo theo Hệ thống tín chỉ, với lộ trình và bước đi hợp lý, mặc dù các trường gặp không ít khó khăn trong quá trình đổi mới này [2].

Chuyển đổi cách thức đào tạo bậc đại học từ niên chế sang tín chỉ ở Việt Nam quả là bước đột phá rất quyết liệt của những nhà lãnh đạo, các nhà giáo dục. Vì bên cạnh những thuận lợi, tích cực mà hệ tín chỉ mang lại thì không ít những khó khăn chồng chất lên vai những người dám đi

Abstract - The survey – which is a part of the author's thesis – carried out on 326 students of the two universities (University of Social Sciences and Humanities, the Hanoi National University and Teacher Training College, University of Da Nang) found that there remain big counseling needs among the students, depriving from three main concerns: adapting to the credit system; getting prepared for the future career and coping with various life problems such as friendship, love and social relationships. These needs peak with first-year students and steadily fall as students go to the later years. The survey also showed that the counselling practice performed currently by teacher-counselors does not always fulfill students' expectations.

Key words - counseling; credit system; student; academic counselor; university

đầu, những người dám thay đổi. Cụ thể là, đào tạo theo tín chỉ buộc giảng viên phải thay đổi cách dạy, buộc sinh viên phải thay đổi cách học, việc học và dạy bây giờ xoay quanh trực kiến thức và thời gian của môn học. Sinh viên phải biết tính toán, sắp xếp và phải biết lựa chọn các mục tiêu cho mình, từ mục tiêu tổng thể là mục tiêu cho cuộc sống, cho đến mục tiêu thành phần là nghề nào, ngành gì, học gì, các hình thức giải trí ra sao. Nói cách khác, sinh viên không còn là những cô cậu học trò non nớt vừa bước chân khỏi trường cấp 3 mà các em thực sự là những người lớn, những người buộc phải biết làm chủ cuộc đời của mình [1].

Do vậy, nhu cầu tư vấn của sinh viên trong các trường đại học từ thời điểm chuyển sang đào tạo tín chỉ là rất lớn. Các em cần được tư vấn để có chiến lược học tập đúng đắn, nhiều sinh viên đã không hoàn thành được kế hoạch học tập vì không đánh giá đúng các môn học và mức độ đáp ứng của cá nhân. Các em cần được tư vấn để chọn đúng ngành nghề, chọn đúng nghề phù hợp với năng lực của mình; các em cần biết về thị trường lao động; và các em rất cần được tư vấn để thích ứng với điều kiện học tập ở môi trường mới, với các mối quan hệ xã hội như bạn bè, thầy cô, tình yêu.

Tất cả số liệu sử dụng trong bài biết này được rút ra từ nghiên cứu “*Kỹ năng tư vấn của cố vấn học tập trong các trường đại học*”, nghiên cứu của chúng tôi thực hiện trong 2 năm, với khách thể là 326 sinh viên, 185 giảng viên hiện là cố vấn học tập trong 2 trường đại học bằng phương pháp điều tra, phỏng vấn sâu, thảo luận nhóm đã cho những kết quả tin cậy về nhu cầu tư vấn của sinh viên trong các trường đại học hiện nay.

Trong bài viết này, chúng tôi sẽ trình bày 2 ý, thứ nhất là về hoạt động tư vấn của cố vấn học tập trong các trường đại học và thứ hai là nhu cầu tư vấn của sinh viên [3].

2. Hoạt động tư vấn của cố vấn học tập trong các trường đại học

Kết quả khảo sát ở 2 trường đại học, trên 185 khách thể là CVHT và 326 sinh viên cho thấy, 62.1% các CVHT cho

rằng CVHT có vai trò quan trọng và rất cần thiết trong các trường đại học hiện nay. Về mặt chức danh (tên gọi cho nhiệm vụ) không thống nhất giữa các trường (ở trường ĐHKHXH&NV thì dùng cụm từ “cố vấn học tập”, còn ở trường ĐHSP thì vẫn giữ cụm từ “giáo viên chủ nhiệm” nhưng có nhiệm vụ “tư vấn học tập”) tuy nhiên các giảng viên được phân công nhiệm vụ trợ giúp SV đều đánh giá vai trò của CVHT là rất quan trọng và cần thiết, với điểm trung bình (ĐTB) = 2.75 ở CVHT và ĐTB = 2.33 ở SV.

Khi xét tính tương quan giữa nhận định về chức danh và tự đánh giá hiệu quả của tư vấn, với độ tin cậy của phép đo là $p < 0.05$ và độ ý nghĩa $r > 0.05$; kết quả cho thấy với những giảng viên xác định nhiệm vụ của mình là CVHT đều cho rằng mình hoàn thành công việc hiệu quả hơn, cụ thể là 57.3% CVHT cho rằng mình thực hiện công việc tư vấn ở mức khá (ĐTB = 2.83). Chúng tôi cho rằng, xác định đúng chức danh là điều cần thiết để các giảng viên tập trung với vai trò và nhiệm vụ của mình. Tuy nhiên từ phía SV, các em cho rằng hiệu quả tư vấn của CVHT nghiêng về mức trung bình (ĐTB = 2.25)

Có 56.3% CVHT tự đánh giá về thực trạng kỹ năng tư vấn hiện nay nghiêng về mức độ khá, với ĐTB = 2.83 và chỉ số Skewness > 0 (dương) cho thấy có những đánh giá tích cực của CVHT đối với tư vấn. Ngược lại, SV không đánh giá cao kỹ năng tư vấn của CVHT mặc dù với ĐTB = 2.32 (ở mức khá nhưng nghiêng về phía trung bình) và chỉ số Skewness < 0 (âm).

Bảng 1. Đánh giá của cố vấn học tập và sinh viên về tư vấn của CVHT

Nội dung đánh giá	Các mức đánh giá (%)				CVHT (ĐTB)	SV (ĐTB)
	1	2	3	4		
Vai trò của CVHT	2.2	35.7	47.0	15.1	2.75	2.33
Hiệu quả tư vấn của CVHT	1.1	41.6	30.3	27.0	2.83	2.25
Thực trạng kỹ năng tư vấn của CVHT	1.6	41.1	29.7	27.6	2.83	2.32
Điểm trung bình					2.80	2.30

Ghi chú: Mức 1: không hiệu quả/ không cần thiết đến mức 4: rất hiệu quả/ rất cần thiết

Như vậy, cùng đánh giá về vai trò, hiệu quả tư vấn, thực trạng kỹ năng tư vấn quan trọng đối với quá trình học tập của SV, nhưng CVHT nhận định về hoạt động của mình ở mức cao hơn so với SV, là những người đang được hưởng lợi ích này.

Về những hoạt động của CVHT, hoạt động tìm hiểu nội quy về học tập, rèn luyện của SV; sẵn sàng trao đổi với SV; chủ động trao đổi thông tin với SV là những việc CVHT thực hiện ở mức thường xuyên (ĐTB = 3.36), trong đó có 88.1% số giảng viên thực hiện việc tìm hiểu chương trình đào tạo, ý nghĩa các môn học khi mình được giao nhiệm vụ CVHT.

3. Nhu cầu tư vấn của sinh viên trong các trường đại học

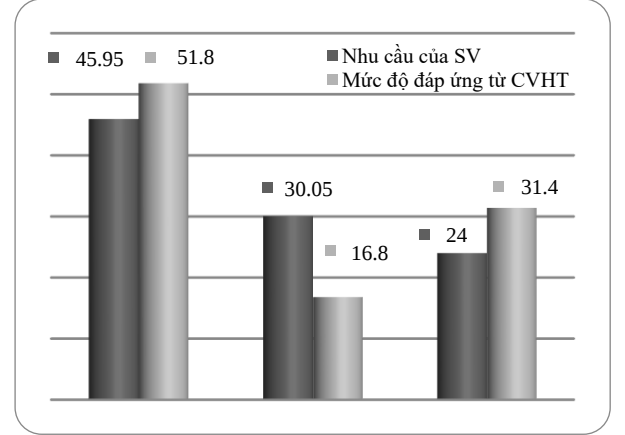
3.1. Xét theo nhóm vấn đề cần tư vấn

Kết quả khảo sát từ phía SV cho thấy đến 82.3% số SV cần được tư vấn và mong có người hỗ trợ cho mình trong học tập. Phân tích kết quả nghiên cứu về nhóm vấn đề cần tư vấn, chúng tôi thấy rằng:

Cả SV và CVHT đều cho rằng có 3 nhóm vấn đề chính cần tư vấn là nhóm vấn đề liên quan đến việc học tập; liên

quan đến định hướng nghề nghiệp (đặc điểm nghề; thị trường lao động; đơn vị tuyển dụng...); liên quan đến thích ứng với đời sống bậc đại học (sinh hoạt tập thể; tham gia các hoạt động văn – thể – mỹ; sức khỏe; đăng ký vay vốn ngân hàng...).

Biểu đồ 1. Nhu cầu tư vấn của SV và mức độ tư vấn của CVHT



Ở biểu đồ trên đây, chúng tôi mô tả nhu cầu tư vấn của SV ở cột bên trái và nhận định của CVHT về việc đáp ứng của CVHT ở cột bên phải.

Biểu đồ cho thấy nhu cầu của SV và nhận định của CVHT có sự chênh lệch với nhau, mặc dù sự chênh lệch này không có ý nghĩa về mặt thống kê nhưng cũng nói lên rằng đánh giá của CVHT về nhu cầu của SV không chính xác. Cụ thể là 45.95% SV cần tư vấn về học tập nhưng CVHT cho rằng mình đã thực hiện 51.8% số lượt tư vấn liên quan đến vấn đề học tập. Chênh lệch nhất là ở nhóm tư vấn nghề, SV cho rằng rất cần được tư vấn nghề nghiệp (chiếm 30.05%) nhưng trong thực tế CVHT chỉ tư vấn cho 16.8% SV.

Những kết quả cụ thể về vấn đề cần tư vấn của sinh viên trong các trường đại học được thể hiện ở bảng sau.

Trong nhóm vấn đề liên quan đến *tư vấn học tập*, những điều SV mong muốn được tư vấn thường xuyên tập trung vào việc được cung cấp thông tin về tiến trình học tập (ĐTB = 3.21), về kế hoạch học tập của nhà trường; cần được nâng cao hiểu biết về chương trình đào tạo theo tín chỉ (ĐTB = 3.36); cần được hướng dẫn để đăng ký số tín chỉ ở từng học kỳ, số môn bắt buộc/ môn tiên quyết (ĐTB = 3.31) và nhu cầu được tư vấn về việc chọn đề tài nghiên cứu khoa học; niên luận; khóa luận (ĐTB = 3.36)...

Bảng 2. Những vấn đề cần tư vấn của sinh viên trong các trường đại học

TT	NỘI DUNG CẦN TƯ VẤN	Mức độ				ĐTB
		1	2	3	4	
	Tư vấn học tập					
1.	Cung cấp thông tin về tiến trình học tập, về kế hoạch đào tạo của nhà trường	2.2	5.4	61.6	30.8	3.21
2.	Nâng cao hiểu biết cho SV về chương trình đào tạo tín chỉ	1.6	2.2	55.7	42.2	3.36
3.	Tư vấn cho SV xây dựng kế hoạch học tập cho toàn khóa học	1.1	2.7	73.0	24.3	3.19
4.	Hướng dẫn sinh viên đăng ký học phần ở từng học kỳ (môn bắt buộc/ tiên quyết/lựa chọn/tiến trình/...)	0.5	7.6	88.1	3.8	3.31

5.	Hướng dẫn lựa chọn môn học; hủy đăng ký môn; bảo lưu kết quả	2.21	4.3	66.0	7.6	3.00
6.	Hướng dẫn chọn đề tài nghiên cứu khoa học; niên luận; khóa luận	2.2	1.1	61.6	35.1	3.36
	Tư vấn định hướng nghề nghiệp					
1.	Cung cấp thông tin về thị trường lao động về đặc điểm ngành nghề	0.5	2.7	56.8	40.5	3.36
2.	Tư vấn xác định mục tiêu nghề nghiệp tương lai	18.4	4.3	37.3	40.0	3.18
3.	Tư vấn, giới thiệu việc làm cho SV sau khi ra trường	17.3	0.5	41.1	41.1	3.05
4.	Cung cấp thông tin về kỹ năng, tâm lý cá nhân đối với nghề nghiệp	1.1	2.3	60.5	34.0	3.16
5.	Hướng dẫn kỹ năng tìm việc làm (chuẩn bị và viết hồ sơ xin việc...)	2.2	5.4	61.6	30.8	3.21
6.	Giới thiệu các cơ hội việc làm thêm, kết nối với các cơ sở tuyển dụng	1.6	2.2	55.7	42.2	3.36
	Tư vấn thích ứng với môi trường đại học					
1.	Giúp SV tìm hiểu về các quy chế, quy định về nghĩa vụ và trách nhiệm của SV trong thời gian học tập ở trường	10	43.5	40.5	6	3.27
2.	Hướng dẫn các kỹ năng mềm (kỹ năng giao tiếp; thuyết trình; làm việc nhóm...)	9.2	42.7	43.3	4.8	3.38
3.	Khám phá mục tiêu cuộc sống, khám phá bản thân	14.1	46.3	32.1	7.5	3.18
4.	Hướng dẫn viết các loại đơn (đơn xin nghỉ học, đơn xin bảo lưu, đơn xin vay vốn...)	17.6	31.1	41.1	10.2	3.23
5.	Động viên SV có hoàn cảnh khó khăn; Chia sẻ với niềm vui, nỗi buồn của SV	13	36.4	40.5	10.1	3.27
6.	Tư vấn về các mối quan hệ bạn bè, tình yêu	9.2	33.3	48.4	9.1	3.38
	Trung bình chung					3.36

Trong nhóm vấn đề liên quan đến *tư vấn nghề nghiệp*, những điều SV cần tư vấn tập trung vào cung cấp thông tin về thị trường lao động, về đặc điểm ngành nghề (ĐTB = 3.36); cần được tư vấn để xác định mục tiêu nghề nghiệp trong tương lai (ĐTB = 3.18) và cũng cần được cung cấp thông tin về kỹ năng, tâm lý cá nhân phù hợp về nghề trong tương lai (ĐTB = 3.16).

Trong nhóm vấn đề liên quan đến *tư vấn thích ứng môi trường đại học*, vấn đề tư vấn về mối quan hệ bạn bè, tình yêu chiếm mức độ cao, với ĐTB = 3.38; và nhu cầu tư vấn nâng cao các kỹ năng mềm như kỹ năng giao tiếp; thuyết trình; làm việc nhóm (ĐTB = 3.38); nhu cầu được quan tâm đối với hoàn cảnh khó khăn, những niềm vui, nỗi buồn của SV chiếm ĐTB = 3.27.

Từ các nhóm nhu cầu tư vấn như trên, chúng tôi nhận thấy rằng, nhu cầu được tư vấn về học tập chiếm mức độ cao nhất, 45.95% và tiếp theo là nhu cầu tư vấn về thích ứng với môi trường đại học, chiếm 24%, trong đó tập trung vào mong muốn được tư vấn về những vấn đề tâm lý (các mối quan hệ; tăng kỹ năng mềm)

3.2. Xét nhu cầu tư vấn theo năm học

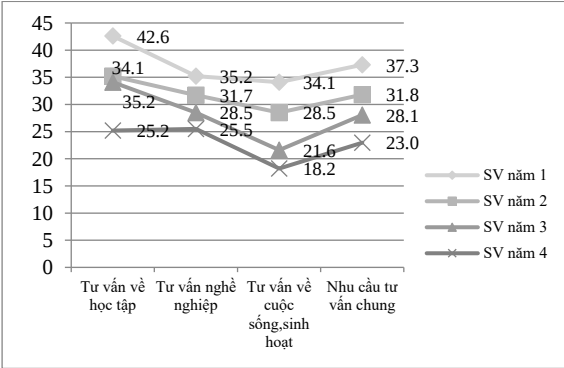
Phân tích theo tiêu chí năm học và những vấn đề cần tư vấn, chúng tôi có kết quả: 37.4% số lượng SV năm thứ nhất cần tư vấn về tất cả mọi mặt, trong đó, nhu cầu tư vấn về học tập chiếm vị trí cao nhất 42.6%, tiếp đến là nhu cầu

được tư vấn về thích ứng đời sống bậc đại học, chiếm 40.6%. Sinh viên N.T.K, ĐH KHXH&NV cho biết: “*Vừa mới vào trường nên em rất bơ vơ, em cần lời khuyên để học các môn Triết, Chính trị, em khó làm quen với các bạn, ngại giao tiếp với các thầy cô, mọi thứ rất lạ lẫm, cảm giác lo lắng và áp lực*” ...

Ở năm thứ hai, nhu cầu tư vấn cao nhất vẫn tập trung ở học tập (34.1%) và mức độ cần thiết được tư vấn đề nghề nghiệp là 31.7%, trung bình chung nhu cầu tư vấn là 28.1%. N.V.S, năm thứ 2, ĐHKHXH&NV cho biết: “*Bây giờ em đã quen với môi trường và em rất cần CVHT giúp lập kế hoạch học tập cho thời gian sắp tới*”.

Mức độ mong muốn được tư vấn giảm dần theo năm học; ở năm thứ 4, đến năm thứ 5 thì nhu cầu tư vấn giảm xuống rõ rệt, trung bình chung nhu cầu tư vấn chỉ còn lại 23%. Lý giải cho điều này, nhiều SV chia sẻ với thời gian học ở trường thì các em quen hơn với cách học, cách thi cử và quen cách chủ động tìm lớp học cho mình. Trong thời gian giữa các buổi không có lớp, nhiều bạn đã đi làm thêm để có thêm kinh phí trang trải cho cuộc sống.

Biểu đồ 2. Nhu cầu tư vấn của sinh viên trong từng nhóm vấn đề



Những số liệu trên đây cho thấy, nhu cầu tư vấn của sinh viên ở các trường đại học khi chuyển sang đào tạo theo tín chỉ tập trung ở nhóm vấn đề thích ứng với học tập; với các mối quan hệ xã hội (trong đó có tình cảm bạn bè, tình yêu...) và những vấn đề liên quan đến thích ứng nghề nghiệp.

Nhu cầu tư vấn của sinh viên có sự khác biệt giữa các năm học, trong đó, sinh viên năm thứ nhất cần tư vấn nhiều hơn sinh viên năm thứ 2 và tương tự ở các năm sau. Với kết quả nghiên cứu được tóm tắt như trên, chúng tôi cho rằng, trong các trường đại học cần xây dựng các mô hình tư vấn cho sinh viên một cách chuyên nghiệp. Bên cạnh việc tư vấn về chuyên ngành mà các em muốn học, về cách thức học tập, cách lựa chọn các môn học cho phù hợp với điều kiện cá nhân thì cần có những người làm công tác tư vấn, tham vấn chuyên nghiệp để hỗ trợ các em trong những lĩnh vực có liên quan đến sức khỏe tinh thần. Các trường đại học tại Mỹ, Canada hay Úc đều đã có những nhà tư vấn/tham vấn chuyên nghiệp làm việc trong trường học để hỗ trợ cho sinh viên.

4. Kết luận

Trên thế giới, nhiều quốc gia đã áp dụng hình thức đào tạo theo tín chỉ rất thành công, bắt đầu là Mỹ, Pháp, Đức, gần với Việt Nam là các nước Singapor, Thái Lan... cũng là những quốc gia có nền giáo dục bền vững, từ khi chuyển

sang hình thức tín chỉ, các đại học ở những quốc gia này đã tập trung vào việc tư vấn cho sinh viên, nhằm hỗ trợ cho các em có được đời sống tâm lý ổn định, cân bằng và có chiến lược học tập tích cực nhất có thể [9].

Mặc dù đang cố gắng để có thể bước theo kịp các cường quốc về giáo dục nhưng Việt Nam gặp không ít khó khăn vì còn nhiều hạn chế. Với kết quả nghiên cứu được trình bày ở trên đã phân nào mô tả được thực trạng nhu cầu tư vấn của sinh viên, đồng thời đánh giá được tầm quan trọng của người cố vấn học tập trong việc trợ giúp sinh viên hoàn thiện bản thân và có định hướng nghề nghiệp tích cực. Hiện nay, Bộ Giáo dục và đào tạo vẫn đang ngày một hoàn thiện hơn về quy định, quy chế đối với người thực hiện công tác cố vấn học tập nhằm ngày một phát triển hơn trong hệ thống giáo dục toàn cầu, tuy nhiên, về vai trò của người tư vấn chuyên nghiệp trong các trường học, cụ thể là ở các trường đại học chưa được nêu rõ. Qua các quy định, chương trình tập huấn dành cho những người làm công tác cố vấn học tập, chúng tôi hi vọng trong tương lai, chúng ta sẽ có một đội ngũ các nhà tư vấn/tham vấn chuyên nghiệp hơn, đáp ứng được yêu cầu của sinh viên, đồng thời hỗ trợ được cho sinh viên trong quá trình học tập và phát triển bản thân.

TÀI LIỆU THAM KHẢO

- [1] Trần Thị Minh Đức, chủ biên (2012), *Cố vấn học tập trong các trường đại học*, NXB Đại học Quốc gia Hà Nội.
- [2] Đặng Xuân Hải, Đào tạo theo hệ thống tín chỉ ở Việt nam: Đặc điểm và điều kiện triển khai. *Tạp chí KHGD*, số 22/7 – 2007.
- [3] Nguyễn Thị Hằng Phương, Thực trạng kỹ năng tư vấn của cố vấn học tập ở Trường Đại học Sư phạm, ĐH Đà Nẵng và ĐKHXH&NV, ĐHQG Hà Nội, *Tạp chí Tâm lý học xã hội*, số tháng 12/2013, tr99-113.
- [4] Nguyễn Văn Vân (2009), Vài trao đổi về công tác CVHT trong môi trường đào tạo theo hệ thống tín chỉ, *Tạp chí Nghiên cứu – Trao đổi*.
- [5] *Academic Advising- A Comprehensive Handbook*, Virginia N. Gordon, Wesley R. Habley, Thomas J. Grites and Associates- A publication of National Academic Advising Association, 2008.
- [6] Đại học Quốc gia Hà Nội, Công văn số 771/ĐT ngày 11/8/2006 về Hướng dẫn chuyển đổi chương trình đào tạo hiện hành phù hợp với phương thức đào tạo theo tín chỉ.
- [7] Cobia D.C. Henderson D.A, *Handbook of school Counseling*. Merrill Prentice Hall, 2003.
- [8] Brian Gillispie (2001), *History of Academic Advising*, A Chronology of Academic Advising in America.
- [9] Virginia N. G., W.R.H., Thomas J. Grites and Associates (2008), *Academic Advising - A Comprehensive Handbook*, A publication of National Academic Advising Association.

(BBT nhận bài: 25/06/2014, phản biện xong: 26/09/2014)